TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Thành

Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PH xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967 (có đơn yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2019 cũng như tại phiên tòa bà Lê Ngọc H trình bày:*

Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống và thường cãi nhau nên ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông H.

Thời gian chung sống, bà H và ông H không có con chung và nợ chung; tài sản chung khi xảy ra mâu thuẫn ông bà đã thỏa thuận với nhau xong nên hiện nay ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 18/10/2019 ông Trần Văn H trình bày:*

Ông H thống nhất với phần trình bày của bà Lê Ngọc H về mối quan hệ như: Hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn.

Do cuộc sống chung giữa ông H và bà H không còn hạnh phúc nên ông H thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H. Con chung, nợ chung không có; tài sản chung ông bà đã tự thỏa thuận xong năm 2016 nên ông H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nH định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Bà Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Văn H. Do bà H và ông H chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông H có nơi cư trú tại ấp PH, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông H đã nH được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án và có ý kiến đối với yêu cầu của bà H. Do điều kiện đi lại khó khăn nên vào ngày 18/10/2019 ông H có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nH bà Lê Ngọc H và ông Trần Văn H là vợ chồng.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H xác định thời gian chung sống ông bà không có con chung và nợ chung; tài sản chung đã tự thỏa thuận nên không có yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc H phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 53, 59 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn H.

2.Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Ngọc H và ông Trần Văn H là vợ chồng.

3.Về con chung, nợ chung: Không có.

4.Về tài sản chung: Bà Lê Ngọc H và ông Trần Văn H tự thỏa thuận nên không xét.

5.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 12 tháng 8 năm 2019 bà H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010616 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

6.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho bà H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nH:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang